

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 01/7/2018

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
1	Đỗ Thị Lan	Anh	TAB01	24/9/1996	Xương Giang - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	5,5	6,0	6,5	8,0	6,5	Trung bình	
2	Lê Công Tuấn	Anh	TAB02	10/7/1995	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,0	5,5	6,0	6,0	5,6	Trung bình	
3	Nguyễn Thị	Át	TAB03	16/5/1985	Phì Điền - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	6,0	3,0	5,0	5,3	Trung bình	
4	Chu Minh	Bích	TAB04	01/01/1995	Trung Mỹ - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	3,0	1,0	5,0	8,0	4,3	Không đạt	
5	Chu Văn	Chương	TAB05	23/8/1981	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,0	4,0	5,4	Trung bình	
6	Đoàn Thị	Cúc	TAB06	20/12/1988	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	5,0	7,0	6,3	Trung bình	
7	Đàm Đức	Duy	TAB07	22/01/1990	TABm Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,0	5,0	4,0	5,3	Trung bình	
8	Nguyễn Bá	Dương	TAB08	11/11/1996	Xuân Cầm - Hiệp Hòa - Bắc Giang	4,5	5,0	5,0	5,5	5,0	Trung bình	
9	Trần Hải	Dương	TAB09	31/10/1996	Điệp Nông - Hưng Hà - Thái Bình	7,5	4,0	6,0	7,0	6,1	Trung bình	
10	Lê Thị	Giang	TAB10	10/12/1984	Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	4,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình	
11	Vũ Đình	Giang	TAB11	24/4/1980	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	5,0	5,5	6,0	5,8	Trung bình	
12	Hoàng Văn	Hanh	TAB12	01/5/1967	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	5,0	4,0	4,0	5,1	Trung bình	
13	Diêm Công	Hiền	TAB13	18/10/1996	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	2,5	0,0	2,5	5,0	2,5	Không đạt	
14	Lộc Xuân	Hiếu	TAB14	17/10/1996	Mai Pha - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	6,0	5,0	4,5	5,0	5,1	Trung bình	
15	Đỗ Viết	Hoa	TAB15	05/6/1973	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	5,5	4,0	5,4	Trung bình	
16	Ngô Đức	Hoa	TAB16	12/11/1980	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	5,5	5,5	5,5	5,0	5,4	Trung bình	
17	Vũ Quang	Hợp	TAB17	30/4/1996	Tân Đồng - Trần Yên - Yên Bái	5,0	3,5	5,5	6,0	5,0	Trung bình	
18	Tòng Thái	Hùng	TAB18	16/11/1996	T.T. Thuận Châu - Thuận Châu - Sơn La	4,0	5,0	6,0	7,0	5,5	Trung bình	
19	Trần Văn	Hùng	TAB19	02/4/1974	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình	
20	Đinh Thị	Huyền	TAB20	28/4/1997	Mai Đình - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,0	6,5	4,5	8,0	6,5	Trung bình	
21	Đỗ Viết	Hưng	TAB21	10/7/1980	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	Bảo lưu HS
22	Nguyễn Thị	Hương	TAB22	13/9/1991	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	7,0	5,5	7,0	6,8	Trung bình	
23	Nguyễn Thu	Hương	TAB23	12/7/1981	Hương Vỹ - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình	
24	Phạm Ngọc	Khánh	TAB24	16/6/1990	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	6,0	6,3	Trung bình	
25	Phạm Văn	Lâm	TAB25	06/3/1990	Thị trấn Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,0	5,5	5,0	6,0	5,6	Trung bình	
26	Bùi Thị	Liên	TAB26	11/8/1989	Cầu Gò - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	5,5	5,0	5,0	5,8	Trung bình	
27	Dương Thị	Linh	TAB27	24/02/1986	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	9,0	5,0	5,5	5,0	6,1	Trung bình	
28	Trần Xuân	Linh	TAB28	18/01/1993	An Phong - Tân Tiến - Bắc Giang	6,6	6,0	3,0	6,0	5,4	Trung bình	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
29	Thân Thị	Loan	TAB29	05/5/1989	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình	
30	Ngô Thị	Luyến	TAB30	09/02/1988	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình	
31	Nguyễn Văn	Luyện	TAB31	28/11/1978	Vân Hà - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	Bảo lưu HS
32	Hoàng Thị	Lường	TAB32	20/10/1996	Yên Bình - Quang Bình - Hà Giang	4,0	6,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình	
33	Nguyễn Thị	Mai	TAB33	23/8/1989	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	4,0	6,5	6,0	5,9	Trung bình	
34	Nguyễn Thành	Nam	TAB34	28/7/1994	Tiến Dũng - Yên Dũng - Bắc Giang	4,0	6,0	5,5	7,0	5,6	Trung bình	
35	Phan Văn	Nét	TAB35	11/12/1986	Phì Điền - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	5,5	6,5	4,0	5,6	Trung bình	
36	Trần Thị	Nhung	TAB36	28/7/1990	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	9,0	4,0	6,0	6,0	6,3	Trung bình	
37	Lê Đức	Phòng	TAB37	25/9/1967	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình	
38	Nguyễn Văn	Phúc	TAB38	26/7/1971	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	4,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình	
39	Hoàng Thị Thu	Phương	TAB39	11/9/1996	Mỹ Xá - TP. Nam Định - Nam Định	6,0	7,0	3,0	7,0	5,8	Trung bình	
40	Nguyễn Văn	Quảng	TAB40	29/7/1987	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	5,5	4,0	5,6	Trung bình	
41	Lường Thị	Quyên	TAB41	17/6/1994	Đồng Cốc - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	7,0	6,3	Trung bình	
42	Nguyễn Thị	Quyên	TAB42	14/01/1983	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,0	6,0	5,0	5,8	Trung bình	
43	Nguyễn Văn	Son	TAB43	02/3/1979	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	5,5	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình	
44	Phan Văn	Son	TAB44	28/02/1994	Phì Điền - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,5	6,0	6,5	3,0	5,8	Trung bình	
45	Nguyễn Trọng	Sửu	TAB45	26/10/1997	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	5,0	1,0	3,0	5,0	3,5	Không đạt	
46	Hoàng Văn	Thái	TAB46	15/9/1977	TABm Tiên - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình	
47	Nguyễn Tuấn	Thành	TAB47	19/5/1997	Vệ An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	7,5	3,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình	
48	Nguyễn Thị	Thảo	TAB48	28/3/1996	An Thịnh - Lương Tài - Bắc Ninh	4,0	3,5	5,5	7,5	5,1	Trung bình	
49	Nguyễn Văn	Thế	TAB49	23/6/1971	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình	
50	Phùng Thị	Thêm	TAB50	01/4/1991	Kiên Thành - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	6,0	6,0	8,0	6,6	Trung bình	
51	Lê Văn	Thịnh	TAB51	16/8/1996	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,5	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình	
52	Lý Xuân	Thịnh	TAB52	10/10/1964	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	5,0	5,5	5,0	5,4	Trung bình	
53	Ninh Thị	Thom	TAB53	11/02/1985	TABm Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	5,0	5,0	6,0	Trung bình	
54	Cao Thị	Thu	TAB54	26/02/1983	Vĩnh Lạc - Vĩnh Phú	7,0	6,0	5,0	4,0	5,5	Trung bình	
55	Hoàng Văn	Thuận	TAB55	01/01/1973	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	5,0	5,8	Trung bình	
56	Nguyễn Văn	Thuận	TAB56	28/12/1990	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	5,5	5,0	5,5	6,0	5,5	Trung bình	
57	Giáp Văn	Tiếp	TAB57	07/01/1980	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình	
58	Tổng Văn	Trăm	TAB58	01/6/1996	Vạn An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,5	3,5	5,0	6,0	5,3	Trung bình	
59	Lương Anh	Tú	TAB59	17/02/1980	Nhã Nam - Tân Yên - Bắc Giang	6,0	5,0	5,5	5,0	5,4	Trung bình	
60	Trần Minh	Tuấn	TAB60	28/10/1996	Trung Tâm - Nghĩa Lộ - Yên Bái	4,0	2,0	3,0	6,0	3,8	Không đạt	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
61	Phạm Lâm Tùng	TAB61	29/4/1995	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	3,0	4,0	2,0	7,0	4,0	Không đạt	
62	Nguyễn Thị Vân	TAB62	25/8/1995	Chi Lăng - Hưng Hà - Thái Bình	6,0	3,0	3,5	8,0	5,1	Trung bình	
63	Hoàng Việt Vũ	TAB63	09/10/1995	Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	3,5	0,0	1,5	3,0	2,0	Không đạt	
64	Trần Thị Xuyên	TAB64	20/02/1987	Tân Trung - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	5,5	6,0	6,1	Trung bình	
65	Giáp Thị Yến	TAB65	24/11/1986	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,0	6,0	6,0	6,4	Trung bình	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 65

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 2

Số thí sinh bỏ thi: 0

Số thí sinh dự thi: 63

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 6

Số thí sinh đạt yêu cầu: 57

Trong đó:

Loại Giỏi: 0

Loại Khá: 0

Loại Trung bình: 57

Chủ tịch hội đồng kiểm tra

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2018

Thư ký Hội đồng kiểm tra

ThS. Vũ Thị Hoài Thu